TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 - 2022.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Điệp**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 20/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Thị G**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp B, xã Tân Hội T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đông B, xã Mỹ T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị G có mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị G và anh H tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hội T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/12/2018. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, nhiều lần chị G tìm cách hàn gắn tình cảm với anh H nhưng không thành. Chị G và anh H đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nay chị G

yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo H1, sinh ngày 10/12/2018, hiện đang sống cùng với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con đến năm 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị G xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con, chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính);

- Trích lục khai sinh Nguyễn Ngọc Thảo H1 (bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị G về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã Mỹ T, huyện CL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn H.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị G và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hội T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/12/2018 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời

gian chung sống thì nay chị G yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2021 cho đến nay. Về phía anh H là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận định anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị G trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Ngọc Thảo H1, sinh ngày 10/12/2018, hiện đang sống cùng với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con đến năm 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị G thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con, cụ thể là chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Ngọc Thảo H1. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Đối với con chung Nguyễn Ngọc Thảo H1, hiện nay con chung đang sống với chị G phát triển và được chăm sóc tốt. Thu nhập của chị G đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu H1. Do đó, cần để cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị G.

Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị G trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị G phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai số 0007416 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị G.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị Trần Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo H1, sinh ngày 10/12/2018. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị G không có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai số 0007416 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chinh